

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN**  
**BÌNH DƯƠNG**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	14 - 30
8. Phụ lục	31

\*\*\*\*\*

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa bộ phận kinh doanh bán buôn và bán lẻ trực thuộc Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển Bình Dương theo Quyết định số 30/2002/QĐ-UB, ngày 20 tháng 3 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4603000041 ngày 26 tháng 3 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Công ty đã được Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lại và hoạt động theo mã số doanh nghiệp số 3700413826.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi chuẩn y về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ 200.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Đại diện vốn nhà nước: Bà Bùi Thị Lan	121.400.000.000	60,70%
Nguyễn Tấn Lợi	870.000.000	0,44%
Lê Minh Tâm	1.084.000.000	0,54%
Đoàn Văn Thuận	2.136.000.000	1,07%
Lê Thị Diệu Thanh	870.000.000	0,44%
Các cổ đông khác	73.640.000.000	36,82%
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường số 8, Khu đô thị Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : (0650) 833 284 - 816 299

Fax : (0650) 833 281

Mã số thuế : 3 7 - 0 0 4 1 3 8 2 6

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng Bình Dương	Đường DT 743, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp Bê tông trộn sẵn Mỹ Phước	Đường D1, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp cấu kiện Bê tông đúc sẵn TDC	Đường Vành đai, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp xây dựng - TDC	Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	138F Nguyễn Tri Phương, phường 9, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Ấp 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Văn phòng giao dịch Bất động sản	Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp Bê tông trộn sẵn Chánh Phú Hòa	Đường DT741, xã Chánh Phú Hòa huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đại lý phân phối hàng hóa cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước. Mua bán hóa chất (không độc hại mạnh), máy móc thiết bị, thiết bị điện, điện tử, vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất. Nhập khẩu và mua bán các thiết bị thể thao.
- Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu.
- Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản. Sản giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản). Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng. Kinh doanh bất động sản.
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ.
- Gia công chế biến đá xây dựng. Sản xuất vật liệu xây dựng.
- Sản xuất cầu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn. Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng kiến trúc.
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội ngoại thất công trình.
- Đầu tư tài chính.
- Lập dự án đầu tư. Kinh doanh các công việc phụ trợ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao.
- Tổ chức các trận thi đấu bóng đá.
- Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 31).

Trong năm Công ty tạm phân phối lợi nhuận như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển 10,00% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ dự phòng tài chính 5,00% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng phúc lợi 10,00% lợi nhuận sau thuế
- Chia cổ tức 30% vốn điều lệ.

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### *Hội đồng quản trị*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Bùi Thị Lan	Chủ tịch	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Quản Văn Viết Cường	Thành viên	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Lê Minh Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Ông Đoàn Văn Thuận	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-
Bà Huỳnh Thị Phương Thảo	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

### *Ban kiểm soát*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Dương Hồng Ty	Trưởng ban	07 tháng 11 năm 2003	-
Bà Nguyễn Ngô Hương Dương	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Bà Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

### *Ban Tổng Giám đốc*

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Văn Thuận	Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Lê Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Bùi Bá Khoa	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 07 năm 2007	-

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

474/09  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
VĂN

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Đoàn Văn Thuận**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 31 tháng 3 năm 2010





www.auditconsult.com.vn

# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 38272 295 - Fax: (84-8) 3 8272 300  
Branch in Hanoi : 40 Giang Vo St., Dong Da District, Ha Noi City - Tel: (04) 37367 879 - Fax: (84-4) 3 7367 869  
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 3876 555 - Fax: (84-58) 3 875 327  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 03764 995 - Fax: (84-71) 03764 996

Số: 0393/2010/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

**Kính gửi: CỘ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2009 của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 5 tháng 3 năm 2010, từ trang 07 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

#### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



**Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0085/KTV

**Trần Hoàng Anh - Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1161/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2010

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>886.606.044.581</b>	<b>761.146.662.693</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>112.210.442.287</b>	<b>73.871.015.613</b>
1. Tiền	111		9.734.351.795	73.871.015.613
2. Các khoản tương đương tiền	112		102.476.090.492	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>375.432.229.073</b>	<b>310.159.978.655</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	161.472.252.325	112.574.960.578
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	209.165.853.638	196.515.602.892
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	5.132.979.579	1.259.023.487
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(338.856.469)	(189.608.302)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>390.881.812.203</b>	<b>370.164.405.791</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	390.891.374.280	372.698.284.535
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.562.077)	(2.533.878.744)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.081.561.018</b>	<b>6.951.262.634</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.778.435	8.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.895.920.686	4.639.654.862
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	69.253.716
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	6.165.861.897	2.234.354.056





**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>110.933.634.145</b>	<b>99.378.949.821</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>64.043.179.489</b>	<b>63.045.613.016</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	54.653.905.504	48.814.472.548
<i>Nguyên giá</i>	222		76.817.365.904	62.357.572.048
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22.163.460.400)	(13.543.099.500)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	8.844.359.983	9.063.208.987
<i>Nguyên giá</i>	228		9.250.412.886	9.250.412.886
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(406.052.903)	(187.203.899)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	544.914.002	5.167.931.481
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	V.11	<b>2.301.162.685</b>	-
<i>Nguyên giá</i>	241		2.409.271.000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(108.108.315)	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>39.114.109.000</b>	<b>28.754.109.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	16.995.910.000	6.635.910.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	22.118.199.000	22.118.199.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.475.182.971</b>	<b>7.579.227.805</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.912.661.115	1.345.339.197
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	3.232.610.656	6.126.032.608
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	329.911.200	107.856.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>997.539.678.726</b>	<b>860.525.612.514</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>719.556.894.940</b>	<b>713.680.231.933</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>719.088.424.111</b>	<b>712.108.197.454</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	70.271.117.062	40.231.388.785
2. Phải trả người bán	312	V.18	75.753.736.372	39.412.326.214
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	361.509.398.958	587.167.201.909
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	7.129.368.407	10.571.865.087
5. Phải trả người lao động	315	V.21	1.540.595.420	1.380.611.122
6. Chi phí phải trả	316	V.22	10.759.433.173	11.419.021.055
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	179.569.173.537	11.434.362.557
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.24	12.555.601.182	10.491.420.725
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>468.470.829</b>	<b>1.572.034.479</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	1.070.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		468.470.829	502.034.479
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>277.982.783.786</b>	<b>146.845.380.581</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>270.298.820.511</b>	<b>142.097.012.918</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	200.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	2.062.223.840	2.122.223.840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	19.050.110.130	12.070.121.520
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	8.897.195.076	5.407.200.771
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	500.000.000	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	39.789.291.465	22.497.466.787
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>7.683.963.275</b>	<b>4.748.367.663</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.26	7.683.963.275	4.748.367.663
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>997.539.678.726</b>	<b>860.525.612.514</b>

1448-CU  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 KINH DOANH VÀ  
 PHÁT TRIỂN  
 BÌNH DƯƠNG  
 CHỖ CHỮ KÝ

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 5 tháng 3 năm 2010



Huỳnh Thị Phương Thảo  
Người lập biểu



Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	545.879.359.655	524.110.713.022
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	2.208.008.658	2.305.727.273
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	543.671.350.997	521.804.985.749
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	446.877.702.642	427.883.369.348
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.793.648.355	93.921.616.401
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.322.105.573	13.007.604.826
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.334.842.195	5.097.235.752
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.136.786.359	5.095.913.752
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	14.423.370.950	47.197.841.733
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	16.653.397.119	9.411.266.718
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.704.143.664	45.222.877.024
11. Thu nhập khác	31	VI.7	26.254.281.371	28.878.991.492
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.333.415.933	374.716.971
13. Lợi nhuận khác	40		22.920.865.438	28.504.274.521
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		92.625.009.102	73.727.151.545
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	19.489.790.948	27.191.754.651
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		2.893.421.952	(6.324.624.893)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>70.241.796.202</u>	<u>52.860.021.787</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>6.911</u>	<u>7.643</u>

Bình Dương, ngày 5 tháng 3 năm 2010

  
Huỳnh Thị Phương Thảo  
Người lập biểu

  
Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng

  
Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		92.625.009.102	73.727.151.545
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 9, 10	10.363.450.371	6.793.584.195
- Các khoản dự phòng	03		(2.375.068.500)	2.440.003.337
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.342.306.175)	(6.687.923.267)
- Chi phí lãi vay	06	V.4	4.136.786.359	5.095.913.752
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		95.407.871.157	81.368.729.562
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(66.762.073.733)	(187.725.512.088)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.480.589.745)	(188.042.866.290)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(31.054.317.578)	344.532.344.837
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(579.100.353)	22.017.195.822
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.136.786.359)	(5.095.913.752)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(23.151.408.572)	(19.433.928.663)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	98.388.859
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.104.392.998)	(3.372.607.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(43.860.798.181)</b>	<b>44.345.831.287</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(25.137.122.834)	(48.473.511.271)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	4.601.740.259	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(10.360.000.000)	(19.177.559.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.787.491.372	6.376.252.299
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(23.107.891.203)</b>	<b>(61.274.817.972)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.25	100.000.000.000	33.638.800.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	174.823.056.504	111.240.362.218
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(145.853.328.227)	(91.962.735.748)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23.661.612.219)	(39.395.376.104)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>105.308.116.058</i>	<i>13.521.050.366</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		38.339.426.674	(3.407.936.319)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	73.871.015.613	77.278.951.932
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>112.210.442.287</u>	<u>73.871.015.613</u>

Bình Dương, ngày 5 tháng 3 năm 2010

  
Huỳnh Thị Phương Thảo  
Người lập biểu

  
Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng

  
Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2009

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
  - Đại lý phân phối hàng hóa cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước.
  - Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh).
  - Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản.
  - Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng. Kinh doanh bất động sản.
  - Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.
  - Gia công chế biến đá xây dựng.
  - Sản xuất vật liệu xây dựng.
  - Sản xuất cầu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn. Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc.
  - Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử.
  - Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất.
  - Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội ngoại thất công trình.

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

HẠ  
VÀ  
H

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5,00
Máy móc và thiết bị	20,00
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	16,67
Thiết bị, dụng cụ quản lý	20,00
Tài sản cố định khác	25,00

#### 6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.5.

#### 7. Tài sản cố định vô hình

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

##### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

#### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### 9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### 10. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng từ 2 - 3 năm.

### 11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### 12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### 13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2008 : 16.977 VND/USD  
31/12/2009 : 17.941 VND/USD.

#### **16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **17. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.4.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	218.390.895	29.955.792
Tiền gửi ngân hàng	9.515.960.900	73.841.059.821
Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i> )	102.476.090.492	-
<b>Cộng</b>	<b><u>112.210.442.287</u></b>	<b><u>73.871.015.613</u></b>

### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu kinh doanh hàng hoá	91.134.208.993	65.151.767.310
Phải thu kinh doanh bất động sản	70.338.043.332	47.423.193.268
<b>Cộng</b>	<b><u>161.472.252.325</u></b>	<b><u>112.574.960.578</u></b>

### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	1.279.046.120	39.573.301.354
Trả trước tiền cung cấp dịch vụ	207.886.807.518	156.942.301.538
<b>Cộng</b>	<b><u>209.165.853.638</u></b>	<b><u>196.515.602.892</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức tạm tính phải thu	1.594.909.000	-
Phải thu Tân Thạnh Mỹ	342.392.885	339.392.885
Lãi tiền gửi có kỳ hạn tạm tính	403.004.990	311.670.968
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	4.215.468	71.859.534
Vật tư vượt định mức phải thu	517.750.309	
Các khoản phải thu khác	2.270.706.927	536.100.100
<b>Cộng</b>	<b><u>5.132.979.579</u></b>	<b><u>1.259.023.487</u></b>

**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	157.596.850	116.406.674
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	50.165.779	51.660.149
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	131.093.840	21.541.479
<b>Cộng</b>	<b><u>338.856.469</u></b>	<b><u>189.608.302</u></b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.958.463.550	4.872.568.618
Công cụ, dụng cụ	-	9.428.565
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	351.928.482.894	344.144.546.231
Thành phẩm	779.819.804	1.273.802.489
Hàng hóa	33.224.608.032	22.397.938.632
<b>Cộng</b>	<b><u>390.891.374.280</u></b>	<b><u>372.698.284.535</u></b>

**7. Tài sản ngắn hạn khác**

Tạm ứng nhân viên.

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	6.355.749.944	6.150.265.144	48.602.150.111	1.166.145.764	83.261.085	62.357.572.048
Tăng trong năm	4.445.262.860	8.388.886.682	5.841.264.045	247.437.877	-	18.922.851.464
Mua sắm mới	-	8.388.886.682	5.841.264.045	247.437.877	-	14.477.588.604
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.445.262.860	-	-	-	-	4.445.262.860
Thanh lý nhượng bán	(1.388.541.016)	(755.185.318)	(2.201.508.547)	(117.822.727)	-	(4.463.057.608)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>9.412.471.788</u></b>	<b><u>13.783.966.508</u></b>	<b><u>52.241.905.609</u></b>	<b><u>1.295.760.914</u></b>	<b><u>83.261.085</u></b>	<b><u>76.817.365.904</u></b>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	99.285.029	363.055.571	219.988.931	-	682.329.531
---------------------------------------	---	------------	-------------	-------------	---	-------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	1.180.252.941	2.084.546.309	9.588.832.090	647.669.784	41.798.376	13.543.099.500
Khấu hao trong năm	910.561.365	1.265.239.745	7.508.001.192	331.875.490	20.815.260	10.036.493.052
Thanh lý, nhượng bán	(80.326.350)	(383.885.810)	(845.071.459)	(106.848.533)	-	(1.416.132.152)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.010.487.956</b>	<b>2.965.900.244</b>	<b>16.251.761.823</b>	<b>872.696.741</b>	<b>62.613.636</b>	<b>22.163.460.400</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	5.175.497.003	4.065.718.835	39.013.318.021	518.475.980	41.462.709	48.814.472.548
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.401.983.832</b>	<b>10.818.066.264</b>	<b>35.990.143.786</b>	<b>423.064.173</b>	<b>20.647.449</b>	<b>54.653.905.504</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 61.285.628.932 VND và 42.925.382.895 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương.

**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	9.142.857.143	107.555.743	9.250.412.886
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.142.857.143</b>	<b>107.555.743</b>	<b>9.250.412.886</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	139.401.339	47.802.560	187.203.899
Khấu hao trong năm	182.997.084	35.851.920	218.849.004
<b>Số cuối năm</b>	<b>322.398.423</b>	<b>83.654.480</b>	<b>406.052.903</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	9.003.455.804	59.753.183	9.063.208.987
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.820.458.720</b>	<b>23.901.263</b>	<b>8.844.359.983</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	1.130.580.228	24.306.840.346	(16.930.495.968)	(8.428.017.849)	78.906.757
XDCB dở dang	4.037.351.253	830.282.488	(4.401.626.496)	-	466.007.245
<b>Cộng</b>	<b>5.167.931.481</b>	<b>25.137.122.834</b>	<b>(21.332.122.464)</b>	<b>(8.428.017.849)</b>	<b>544.914.002</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Nhà cửa vật kiến trúc:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	2.409.271.000	108.108.315	2.301.162.685
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.409.271.000</b>	<b>108.108.315</b>	<b>2.301.162.685</b>

**12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sinviet	2.235.910.000	2.235.910.000
Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên - Becamex	4.400.000.000	4.400.000.000
Công ty Cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Việt	360.000.000	-
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần cửa Nam Âu	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	7.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>16.995.910.000</b>	<b>6.635.910.000</b>

**13. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào Công ty đầu tư và kinh doanh bất động sản với tư cách là cổ đông sáng lập	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Bình Dương	1.020.000.000	1.020.000.000
Đầu tư vào Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	5.908.199.000	5.908.199.000
Đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông Becamex	8.190.000.000	8.190.000.000
<b>Cộng</b>	<b>22.118.199.000</b>	<b>22.118.199.000</b>

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối năm
			trong năm	
Chi phí công cụ dụng cụ	597.501.923	1.005.046.825	(852.350.093)	750.198.655
Chi phí sửa chữa	186.898.764	128.855.400	(238.528.962)	77.225.202
Chi phí thuê văn phòng	487.252.018	502.180.000	(544.544.012)	444.888.006
Chi phí khác	73.686.492	1.749.512.511	(1.182.849.751)	640.349.252
<b>Cộng</b>	<b>1.345.339.197</b>	<b>3.385.594.736</b>	<b>(2.818.272.818)</b>	<b>1.912.661.115</b>

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	6.126.032.608
Phát sinh trong năm	1.800.000
Hoàn nhập trong năm	(2.895.221.952)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.232.610.656</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****16. Tài sản dài hạn khác**

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

**17. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương <sup>(a)</sup>	68.071.117.062	40.231.388.785
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Bình Dương <sup>(b)</sup>	2.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>70.271.117.062</u></b>	<b><u>40.231.388.785</u></b>

(a) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất 10,2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng hóa và số dư tiền gửi tại Ngân hàng này.

(b) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Bình Dương để thanh toán chi phí sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất 26.194 m<sup>2</sup> và 4.009 m<sup>2</sup> tại Chơn Thành, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	40.231.388.785
Số tiền vay phát sinh trong năm	174.823.056.504
Số tiền vay đã trả trong năm	<u>(144.783.328.227)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>70.271.117.062</u></b>

**18. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	56.823.042.063	38.630.159.091
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	18.930.694.309	782.167.123
<b>Cộng</b>	<b><u>75.753.736.372</u></b>	<b><u>39.412.326.214</u></b>

**19. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	361.231.730.908	586.377.157.572
Các khoản người mua trả tiền trước khác	277.668.050	790.044.337
<b>Cộng</b>	<b><u>361.509.398.958</u></b>	<b><u>587.167.201.909</u></b>

**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	8.232.790.341	(8.232.790.341)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.552.617.959	19.704.402.693	(23.151.408.572)	7.105.612.080
Thuế thu nhập cá nhân	19.247.128	74.381.718	(69.872.519)	23.756.327
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	683.933.000	(683.933.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>10.571.865.087</u></b>	<b><u>28.704.507.752</u></b>	<b><u>(32.147.004.432)</u></b>	<b><u>7.129.368.407</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Ciment, hoạt động xây lắp và hoá chất các loại	10%
Vật liệu xây dựng khác	5%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số IV.14.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	92.625.009.102	73.727.151.545
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	462.751.495	27.170.728.490
- Các khoản điều chỉnh giảm	(15.128.596.806)	(3.784.470.570)
Tổng thu nhập chịu thuế	77.959.163.791	97.113.409.465
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>19.489.790.948</b>	<b>27.191.754.651</b>
<b>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước</b>	<b>214.611.745</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>19.704.402.693</b>	<b>27.191.754.651</b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**21. Phải trả người lao động**

Lương tháng 12 chưa chi.

**22. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí công trình	10.752.233.173	11.392.504.653
Chi phí khác	7.200.000	26.516.402
<b>Cộng</b>	<b>10.759.433.173</b>	<b>11.419.021.055</b>

**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	-	4.474.184
Kinh phí công đoàn	160.782.119	274.440.007
Cổ tức phải trả	11.453.785.631	115.397.850
Thu hộ tiền bán đất cho Becamex	155.706.988.900	5.468.714.973
Thu hộ tiền mua nhà	7.480.000.000	-
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	550.350	381.064.200
Các khoản phải trả phải nộp khác	4.767.066.537	5.190.271.343
<b>Cộng</b>	<b>179.569.173.537</b>	<b>11.434.362.557</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****24. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	10.491.420.725
Tăng do trích lập trong năm	13.802.935.279
Số đã sử dụng trong năm	(461.543.407)
Số đã hoàn nhập trong năm	(11.277.211.415)
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.555.601.182</b>

**25. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	121.401.000.000	60.700.500.000
Vốn góp của các cổ đông	78.599.000.000	39.299.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.062.223.840	2.122.223.840
<b>Cộng</b>	<b>202.062.223.840</b>	<b>102.122.223.840</b>

**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	5.000.000.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>35.000.000.000</b>

Trong đó: khoản cổ tức chưa chi đang ghi nhận trên khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác là 11.453.785.631 VND.

Sau ngày kết thúc năm tài chính Hội đồng quản trị dự kiến công bố cổ tức trên cổ phiếu phổ thông năm 2009 là 30% trên vốn góp và thời điểm góp vốn.

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

*Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

### 26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	3.739.326.008	6.281.989.749	(3.639.975.294)	6.381.340.463
Quỹ phúc lợi	1.009.041.655	697.998.861	(404.417.704)	1.302.622.812
<b>Cộng</b>	<b>4.748.367.663</b>	<b>6.979.988.610</b>	<b>(4.044.392.998)</b>	<b>7.683.963.275</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	545.879.359.655	524.110.713.022
- Doanh thu sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	108.311.158.443	237.561.097.025
- Doanh thu nhựa đường	192.479.366.911	33.148.628.739
- Doanh thu xây dựng dự án	241.997.595.015	196.399.880.920
- Doanh thu khác	3.091.239.286	57.001.106.338
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Hàng bán bị trả lại	2.208.008.658	2.305.727.273
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>543.671.350.997</b>	<b>521.804.985.749</b>

Trong đó:

- Doanh thu thuần sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	108.311.158.443	237.561.097.025
- Doanh thu thuần nhựa đường	192.479.366.911	33.148.628.739
- Doanh thu thuần xây dựng dự án	239.789.586.357	194.094.153.647
- Doanh thu thuần khác	3.091.239.286	57.001.106.338

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	101.257.754.948	124.786.585.525
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp <sup>(a)</sup>	174.926.677.844	138.976.399.053
Giá vốn xây dựng dự án	171.327.413.763	161.586.506.026
Giá vốn khác	1.890.172.754	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	2.533.878.744
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.524.316.667)	-
<b>Cộng</b>	<b>446.877.702.642</b>	<b>427.883.369.348</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

(a) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	139.191.397.689	139.089.879.710
Chi nhân công trực tiếp	5.640.389.709	3.142.348.076
Chi phí sản xuất chung	38.824.632.558	29.102.646.425
Tổng chi phí sản xuất	183.656.419.956	171.334.874.211
Nhập xuất khác	-	(11.631.246.957)
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	747.227.739	(3.140.277.291)
Tổng giá thành sản xuất	184.403.647.695	156.563.349.963
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	493.982.685	(595.772.139)
Nhập xuất chuyên kho	(9.970.952.536)	(16.991.178.771)
<b>Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp</b>	<b><u>174.926.677.844</u></b>	<b><u>138.976.399.053</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.232.582.372	3.131.465.267
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	464.590.497	6.207.052.291
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.554.909.000	3.556.458.000
Doanh thu khác	70.023.704	112.629.268
<b>Cộng</b>	<b><u>8.322.105.573</u></b>	<b><u>13.007.604.826</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.136.786.359	5.095.913.752
Chi phí khác	198.055.836	1.322.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.334.842.195</u></b>	<b><u>5.097.235.752</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.866.721.209	1.969.595.454
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	406.959.389	213.653.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	930.567.435	870.260.283
Chi phí hoa hồng môi giới	-	35.859.075.635
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.517.828.658	2.752.203.104
Chi phí khác	6.701.294.259	5.533.054.018
<b>Cộng</b>	<b><u>14.423.370.950</u></b>	<b><u>47.197.841.733</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.175.975.574	3.682.555.386
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	902.365.948	653.281.226
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.388.064.349	876.674.503
Chi phí dịch vụ mua ngoài	954.219.895	905.433.320
Chi phí khác	7.232.771.353	3.293.322.283
<b>Cộng</b>	<b><u>16.653.397.119</u></b>	<b><u>9.411.266.718</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	4.601.740.259	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	10.790.305.751	2.559.102.164
Thành phẩm bê tông thừa	835.639.483	934.576.090
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	7.526.982.950	23.670.624.930
Thu từ xử lý tài sản thừa	1.499.436.041	1.328.033.680
Thu nhập khác	1.000.176.887	386.654.628
<b>Cộng</b>	<b><u>26.254.281.371</u></b>	<b><u>28.878.991.492</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	3.104.649.688	-
Xử lý tài sản thiếu	-	50.327.080
Chi trả tiền đền cọc	221.260.000	320.000.000
Chi phí khác	7.506.245	4.389.891
<b>Cộng</b>	<b><u>3.333.415.933</u></b>	<b><u>374.716.971</u></b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70.241.796.202	52.860.021.787
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	70.241.796.202	52.860.021.787
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.164.384	6.916.443
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>6.911</u></b>	<b><u>7.643</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.000.000	6.636.120
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 25 tháng 12 năm 2009	164.384	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 28 tháng 11 năm 2008	-	280.323
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>10.164.384</u></b>	<b><u>6.916.443</u></b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	197.433.528.774	388.625.449.389
Chi phí nhân công	18.033.077.147	159.359.784.594
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.363.450.371	6.793.584.195
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.058.155.075	36.854.396.062
Chi phí khác	34.967.623.339	49.201.222.716
<b>Cộng</b>	<b><u>396.855.834.706</u></b>	<b><u>640.834.436.956</u></b>

204  
ÔN  
KHÍ  
M T  
U  
P T



# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường số 8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển</b>		
Tiền bán nguyên vật liệu	39.541.620.994	38.863.260.686
Thi công công trình xây dựng	-	4.174.693.555
<b>Ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh</b>	<b>175.638.722.868</b>	<b>156.144.728.860</b>
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương</b>		
Tiền bán nguyên vật liệu	15.243.856.490	6.184.053.392
<b>Công ty Cổ phần Kinh doanh tổng hợp Bình Dương</b>		
Tiền bán nguyên vật liệu	3.802.799.790	3.802.799.790
<b>Công ty cổ phần Bê tông Becamex</b>		
Tiền bán nguyên vật liệu	308.709.814	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>234.535.709.956</b>	<b>209.169.536.283</b>
<b>Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển</b>		
Thu hộ tiền bán đất	135.622.143.473	5.468.714.973
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>135.622.143.473</b>	<b>5.468.714.973</b>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

## 2. Thông tin khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

Bình Dương, ngày 5 tháng 3 năm 2010

  
Huỳnh Thị Phương Thảo  
Người lập biểu

  
Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng

  
Đoàn Văn Thuận  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: D8 - Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	66.361.200.000	2.122.223.840	-	6.290.866.717	2.697.494.378	-	8.276.276.965	85.748.061.900
Tăng vốn trong năm trước	33.638.800.000	-	-	-	-	-	-	33.638.800.000
Lợi nhuận tăng năm trước	-	-	-	-	-	-	52.860.021.787	52.860.021.787
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	-	(24.230.457.983)	(24.230.457.983)
Phân phối các quỹ	-	-	500.000.000	5.779.254.803	2.709.706.393	-	(14.408.373.982)	(5.419.412.786)
Chi quỹ trong năm	-	-	(500.000.000)	-	-	-	-	(500.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>2.122.223.840</b>	<b>500.000.000</b>	<b>12.070.121.520</b>	<b>5.407.200.771</b>	<b>-</b>	<b>22.497.466.787</b>	<b>142.597.012.918</b>
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	2.122.223.840	500.000.000	12.070.121.520	5.407.200.771	-	22.497.466.787	142.597.012.918
Tăng vốn trong năm nay	100.000.000.000	-	-	-	-	-	-	100.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	70.241.796.202	70.241.796.202
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(35.000.000.000)	(35.000.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	6.979.988.610	3.489.994.305	500.000.000	(17.949.971.524)	(6.979.988.609)
Chi trong năm	-	(60.000.000)	(500.000.000)	-	-	-	-	(560.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>2.062.223.840</b>	<b>-</b>	<b>19.050.110.130</b>	<b>8.897.195.076</b>	<b>500.000.000</b>	<b>39.789.291.465</b>	<b>270.298.820.511</b>

Bình Dương, ngày 5 tháng 3 năm 2010



Đoàn Văn Thuần  
Tổng Giám đốc

*(Handwritten signature)*  
Lý Thị Bình  
Kế toán trưởng

*(Handwritten signature)*  
Huỳnh Thị Phương Thảo  
Người lập biểu